

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I – TOÁN 6

I. GIỚI HẠN ÔN TẬP

- Số học: hết chương II
- Hình học: hết chương III

II. NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1: Cách viết tập hợp nào sau đây là đúng?

A. $A = [0;1; 2;3]$. $A = (0;1; 2;3)$.

B. $A = \{0;1; 2;3\}$.

C. $A = 1; 2;3$.

D.

Câu 2: Cho $M = \{a,5,b, c\}$. Khẳng định sai là

A. $5 \in M$.

B. $a \in M$.

C. $d \notin M$.

D. $c \notin M$.

Câu 3: Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 10

A. $A = \{6;7;8;9\}$. $A = \{5; 6; 7;8;9\}$.

B. $A = \{6;7;8\}$.

C. $A = \{6;7;8;9;10\}$.

D.

Câu 4: Cho tập hợp $A = \{6;7;8;9;10\}$. Viết tập hợp A bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của nó. Chọn câu đúng

A. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 6 \leq x \leq 10\}$. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 6 < x \leq 10\}$.

B. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 6 \geq x \geq 10\}$.

C. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 6 \leq x < 10\}$.

D.

Câu 5: Phép tính nào sau đây đúng?

- A. $2^2 \cdot 2^5 = 2^7$. B. $2^2 \cdot 2^5 = 2^{10}$. C. $2^2 \cdot 2^5 = 2^3$. D. $2^2 \cdot 2^5 = 2^5$.

Câu 6: Số nào sau đây chia hết cho 5?

- A. 2020. B. 2017. C. 2018. D. 2019.

Câu 7: Số nào sau đây chia hết cho 3

- A. 123456. B. 2222. C. 33334. D. 9999997.

Câu 8: Số tự nhiên nhỏ nhất có ba chữ số, các chữ số khác nhau là.

- A. 100. B. 123. C. 132. D. Một đáp án khác.

Câu 9: Số 19 được ghi bởi chữ số La Mã là.

- A. XXI B. XVIV C. XVIII D. XIX

Câu 10: Kết quả $7^4 \cdot 7^2$ bằng.

- A. 7^8 . B. 7^6 . C. 49^8 . D. 14^6 .

Câu 11: Kết quả $3^5 : 3^5$ bằng.

- A. 3 . B. 1. C. 3^3 . D. Một đáp án khác.

- Câu 12:** Giá trị của biểu thức $17 + 3.2^3$ bằng
- A. 233. B. 35. C. 64000. D. Một đáp án khác.
- 41.
- Câu 13:** Nếu $x : 4$ và $y : 4$ thì $x + y$ chia hết cho
- A. 4. B. 6. C. 10. D. 2.
- Câu 14:** UCLN của (8, 20, 4) là.
- A. 1. B. 20. C. 4. D. 10.
- Câu 15:** BCNN (12, 18, 36) là.
- A. 30. B. 60. C. 45. D. 36.
- Câu 16:** Tìm x biết. $7x - 7 = 714$
- A. 101. B. 102. C. 105. D. 103.
- Câu 17:** Tính giá trị của biểu thức. $3^7 3^2 - 3^9$
- A. 0. B. 2.3^9 . C. 3^9 . D. Một số khác.
- Câu 18:** Số nào sau đây chia hết cho 5 mà không chia hết cho 2
- A. 1230. B. 1735. C. 2020. D. 2017.
- Câu 19:** Số nào sau đây chia hết cho 2 mà không chia hết cho 5
- A. 1230. B. 2030. C. 2020. D. 2018.
- Câu 20:** Số nào sau đây chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9
- A. 1230. B. 2030. C. 2520. D. 2018.
- Câu 21:** Số nào sau đây chia hết cho 9 mà không chia hết cho 5
- A. 1230. B. 2034. C. 2520. D. 2718.
- Câu 22:** Tính: $(-52) + 70$ kết quả là:
- A. (-18) . B. 18. C. (-122) . D. 122.
- Câu 23:** Tính: $(-8).(-25)$ kết quả là
- A. 200. B. (-200) . C. (-33) . D. 33.
- Câu 24:** Trong tập hợp các số nguyên $\mathbb{Z}$ tất cả các ước của 5 là:

A. 1 và -1 .

B. 5 và -5 .

C. 1 và 5.

D. 1; -1 ; 5; -5 .

Câu 25: Ba số nào sau đây là ba số tự nhiên liên tiếp tăng dần:

A. $b-1; b; b+1$ ($b \in \mathbb{N}$).

B. $b; b+1; b+2$ ($b \in \mathbb{N}$).

C. $2b; 3b; 4b$ ($b \in \mathbb{N}$).

D. $b+1; b; b-1$ ($b \in \mathbb{N}$).

Câu 26: Cho số $M = 16 \cdot 0$ chữ số thích hợp để M chia hết 3, 5, 7 là:

A. 2.

B. 8.

C. 4.

D. 5.

Câu 27: Trong tập hợp $\mathbb{Z}$ các ước của -12 là:

A. $\{1, 3, 4, 6, 12\}$.

B. $\{-1; -2; -3; -4; -6; -12; 1; 2; 3; 4; 6; 12\}$.

C. $\{-1; -2; -3; -4; -6\}$.

D. $\{-2; -3; -4; -6; -12\}$.

Câu 28: Số đối của (-18) là:

A. 81.

B. 18.

C. (-18) .

D. (-81) .

Câu 29: Tập hợp các số nguyên gồm

A. các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương.

B. số 0 và các số nguyên âm.

C. các số nguyên âm và các số nguyên dương.

D. số 0 và các số nguyên dương.

Câu 30: Sắp xếp các số nguyên: 2; -17 ; 5; 1; -2 ; 0 theo thứ tự giảm dần là:

A. 5; 2; 1; 0; -2 ; -17 .

B. -17 ; -2 ; 0; 1; 2; 5.

C. -17 ; 5; 2; -2 ; 1; 0.

D. 0; 1; -2 ; 2; 5; -17 .

Câu 31: Cho tập hợp trong tập hợp A .

$A = \{-3; 2; 0; -1; 5; 7\}$. Viết tập hợp B gồm các phần tử là số đối của các phần tử

A. $B = \{3; -2; 0; 1; -5; 7\}$.

$B = \{3; -2; 0; -5; -7\}$.

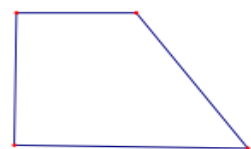
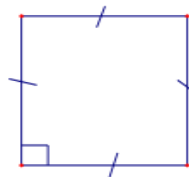
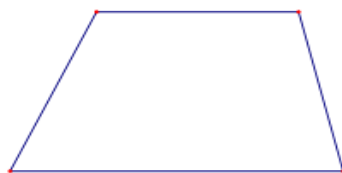
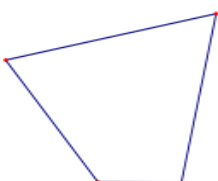
B.

$B = \{-3; 2; 0; 1; -5; -7\}$.

C. $B = \{3; -2; 0; 1; -5; -7\}$.

D.

Câu 32: Trong các hình sau, hình nào là hình vuông? Vì sao?



Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 33: Cho hình vuông $ABCD$ có cạnh $AB = 4\text{cm}$. Cạnh

$BC = ?$

A. 2cm .

B. 3cm .

C. 4cm .

D. 5cm .

Câu 34: Cho hình vuông $ABCD$ có cạnh

$AB = 5\text{cm}$. Diện tích hình vuông $ABCD$ bằng bao nhiêu?

A. 5cm^2 .

B. 10cm .

C. 25cm^2 .

D. 25cm .

Câu 35: Chọn đáp án đúng. Tam giác đều ABC có:

A. $AB > BC = CA$.

B. $AB < BC = CA$.

C. $AB = BC = CA$.

D. $AB = BC > CA$.

Câu 36: Cho lục giác đều $ABCDEF$. Đáp án nào sau đây đúng:

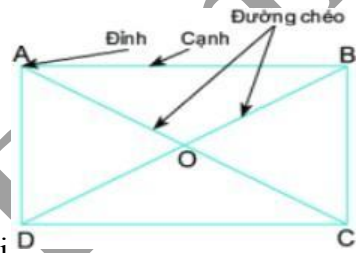
- A. Có 6 cạnh bằng nhau.
- B. Có 3 cạnh bằng nhau.
- C. Có 4 cạnh bằng nhau.
- D. Có 5 cạnh bằng nhau.

Câu 37: Ba đường chéo chính của lục giác $ABCDEF$ là:

- A. AB, CD, AC .
- B. AD, FC, EB .
- C. AB, CD, EF .
- D. FE, ED, DC .

Câu 38: Cho hình chữ nhật $ABCD$, hai đường chéo AC và BD :

- A. AC và BD song song với nhau.
- B. AC và BD bằng nhau.
- C. AC và BD trùng nhau.
- D. Một đáp án khác.



Câu 39: Cho hình chữ nhật $ABCD$ có cạnh của $AB = a, BC = b$. Chu vi hình chữ nhật $ABCD$ là:

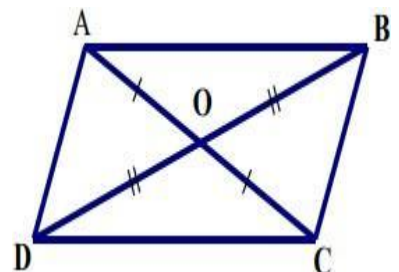
- A. $C = (a + b) \cdot 2$.
- B. $C = (a - b) \cdot 2$.
- C. $C = a \cdot b$.
- D. $C = 2a$.

Câu 40: Cho hình chữ nhật $ABCD$, có $AB = 5\text{cm}, BC = 3\text{cm}$. Chu vi và diện tích của hình chữ nhật là:

- A. $C = 10\text{cm}, S = 15\text{cm}^2$.
- B. $C = 15\text{cm}, S = 10\text{cm}^2$.
- C. $C = 16\text{cm}, S = 15\text{cm}^2$.
- D. $C = 15\text{cm}, S = 16\text{cm}^2$.

Câu 41: Cho hình bình hành $ABCD$ có AC cắt BD tại O . Đáp án nào sau đây đúng:

- A. $OA = OB; OC = OD$
- B. $OA = OD; OB = OC$.
- C. $OA = OC; OB = OD$
- D. Một đáp án khác.



Câu 42: Cho hình bình hành có cạnh a và b .

Chu vi hình bình hành $ABCD$ là:

- A. $C = (a + b) \cdot 2$
- B. $C = (a - b) \cdot 2$

C. $C = a \cdot b$

D. $C = 2a$

Câu 43: Cho hình bình hành có cạnh a và chiều cao h .

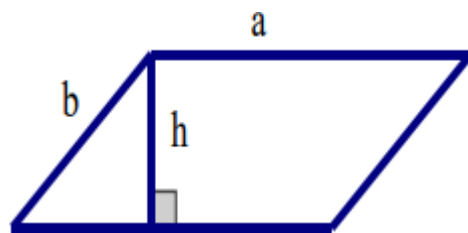
Diện tích hình bình hành $ABCD$ là:

A. $S = \frac{1}{2} a \cdot h$ B.

C.

C. $S = 2a \cdot h$.

D. Một đáp án khác.



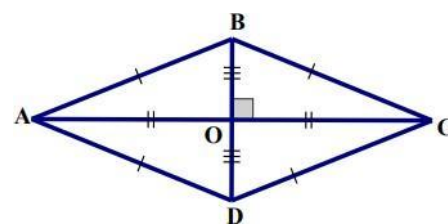
Câu 44: Cho hình thoi $ABCD$ có AC cắt BD tại O . Đáp án nào sau đây là đúng:

A. $OA = OB; OC = OD$.

B. $OA = OD; OB = OC$.

C. $OA = OC; OB = OD$.

D. Một đáp án khác.



$d_1; d_2$. Diện

Câu 45: Cho hình thoi $ABCD$ có 2 đường chéo tích hình thoi $ABCD$ là:

A. $S = \frac{1}{2} d_1 d_2$.

B. $S = \frac{1}{2} d_1$.

C. $S = \frac{1}{2} d_2$.

D. $S = d_1 d_2$.

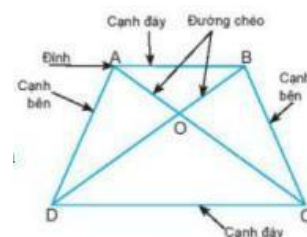
Câu 46: Cho hình thang cân $ABCD$ có đáy là AB và CD . Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. góc đỉnh A bằng góc đỉnh B , góc đỉnh C bằng góc đỉnh D .

B. góc đỉnh A bằng góc đỉnh C , góc đỉnh B bằng góc đỉnh D .

C. góc đỉnh A bằng góc đỉnh D , góc đỉnh C bằng góc đỉnh B .

D. Một đáp án khác.



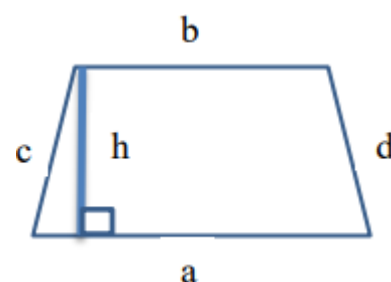
Câu 47: Cho hình thang có các cạnh a, b, c, d . Chu vi của hình thang bằng:

A. $P = a - b + c - d$.

B. $P = a + b - c + d$.

C. $P = a + b + c + d$.

D. $P = a - b - c - d$.



Câu 48: Hình tam giác đều có mấy trục đối xứng:

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 0.

Câu 49: Hình nào sau đây không có tâm đối xứng

A. Hình vuông.

B. Hình chữ nhật.

C. Hình bình hành.

D. Hình tam giác đều.

Câu 50: Bác Hưng uốn một dây thép thành móc treo đồ có dạng hình thang cân với độ dài hai cạnh đáy và cạnh bên lần lượt là 30cm, 24cm và 5cm . Bác Hưng cần bao nhiêu xăng - ti - mét dây thép để làm móc treo đó?

A. 59cm.

B. 64cm.

C. 68cm .

D. 128cm .

PHẦN II. CÁC DẠNG BÀI TẬP

DẠNG 1: THỰC HIỆN PHÉP TÍNH

Bài 1: Thực hiện phép tính:

a) $3.5^2 + 15.2^2 - 26:2$

b) $5^3.2 - 100 : 4 + 2^3.5$

e) $29.87 - 29.23 + 64.7$

c) $(5^{19} : 5^{17} + 3) : 7$

d) $7^9 : 7^7 - 3^2 + 2^3.5^2$

f) $407 - [(190 - 170) : 4 + 9] : 2$

Bài 2: Thực hiện phép tính:

a) $22 + (-254) + 178$

c) $145 + 43 + (-145) + 57$

e) $87(-129) + 129.(-13)$

g) $1152 - (374 + 1152) + (-65 + 374)$

b) $(-456) + (-15) + 56 + (-85)$

d) $-87 + (-12) - (-487) + 512$

f) $(-167).83 + 167.(-17) - 33$

h) $17 + (-20) + 23 + (-26) + \dots + 53 + (-56)$

Bài 3: Thực hiện phép tính:

a) $19 - 3$

b) $1 + 14$

c) $12 + 23$

d)

$1 + 3 - 2$

$+ 10$

$- 1$

$24 - 20$

$3 - 27 - 18$

$25 - 75 - 4$

$12 - 4 - 9$

DẠNG 2: TOÁN TÌM X

Bài 1: Tìm số tự nhiên x, biết:

a) $156 - (x + 61) = 82$

d) $7x - 8 = 713$

g) $315 + (146 - x) = 401$

j) $9^{x-1} = 9$

m) $x \leq 15$; $x \geq 20$ và $50 < x < 70$

b) $(x - 35) - 120 = 0$

e) $x - 36 : 18 = 12$

h) $(6x - 39) : 3 = 201$

k) $x^4 = 16$

n) $30 \leq x$; $45 \leq x$ và $x > 10$

c) $124 + (118 - x) = 217$

f) $(x - 36) : 18 = 12$

i) $23 + 3x = 5^6 : 5^3$

l) $(x - 3)^2 = 16$

Bài 2: Tìm số nguyên x, biết:

a) $89 - (73 - x) = 20$

b) $(x + 7) - 25 = 13$

c) $98 - (x + 4) = 20$

d) $140 : (x - 8) = 7$

e) $4(x + 41) = 400$

f) $x - [42 + (-28)] = -8$

g) $x + 5 = 20 - (12 - 7)$

h) $484 + x = -632 + (-548)$

i) $(-x) + (-62) + (-46) = -14$

j) $x + 5 - (-11) = 31 + (-48)$

k) $2x - 49 = 5.3^2$

l) $3^2(x + 14) - 5^2 = 5.2^2$

m) $2^{x+1}.2^{2014} = 2^{2015}$

n) $75 - 5.(x - 3)^2 = 700$

o) $6x + x = 5^{11} : 5^9 + 3^1$

q) $7x - x = 5^{21} : 5^{19} + 3.2^2 - 7^0$

r) $3^x + 3^{x+2} = 270$

s) $(x^2 - 16)(x + 3) = 0$

Bài 3 : Tìm số nguyên x, biết :

a) $6(x + 2)$

b) $(x + 13)(x + 8)$

c) $(2x + 1)(x - 1)$

d) $(3x + 9)(2x + 1)$

⋮ ⋮

⋮ ⋮

DẠNG 3: TOÁN THỰC TẾ (UCLN – BCNN)

Bài 1: Ba khối 6, 7, 8 theo thứ tự có 300 học sinh, 276 học sinh, 252 học sinh xếp thành hàng dọc để điều hành sao cho số hàng dọc của mỗi khối như nhau. Có thể xếp nhiều nhất thành mấy hàng dọc để mỗi khối đều không có ai lẻ hàng? Khi đó ở mỗi khối có bao nhiêu hàng ngang?

Bài 2: Mỗi công nhân của hai đội 1 và 2 được giao nhiệm vụ trồng một số cây như nhau (nhiều hơn 1 cây). Đội 1 phải trồng 156 cây, đội 2 phải trồng 169 cây. Hỏi mỗi đội công nhân phải trồng bao nhiêu cây và mỗi đội có bao nhiêu công nhân?

Bài 3: Mỗi công nhân của hai đội 1 và 2 được giao nhiệm vụ trồng một số cây như nhau (nhiều hơn 1 cây). Đội 1 phải trồng 156 cây, đội 2 phải trồng 169 cây. Hỏi mỗi đội công nhân phải trồng bao nhiêu cây và mỗi đội có bao nhiêu công nhân?

Bài 4: Học sinh khối 6 có 195 nam và 117 nữ tham gia lao động. Thầy phụ trách muốn chia ra thành các tổ sao cho số nam và nữ mỗi tổ đều bằng nhau. Hỏi có thể chia nhiều nhất mấy tổ? Mỗi tổ có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 5: Một đội y tế có 24 người bác sĩ và có 208 người y tá. Có thể chia đội y tế thành nhiều nhất bao nhiêu tổ? Mỗi tổ có mấy bác sĩ, mấy y tá?

Bài 6: Cô Lan phụ trách đội cần chia số trái cây trong đó 80 quả cam; 36 quả quýt và 104 quả mận vào các đĩa bánh kẹo trung thu sao cho số quả mỗi loại trong các đĩa là bằng nhau. Hỏi có thể chia thành nhiều nhất bao nhiêu đĩa? Khi đó mỗi đĩa có bao nhiêu trái cây mỗi loại?

Bài 7: Bình muốn cắt một tấm bìa hình chữ nhật có kích thước bằng 112 cm và 140 cm. Bình muốn cắt thành các mảnh nhỏ hình vuông bằng nhau sao cho tấm bìa được cắt hết không còn mảnh nào. Tính độ dài cạnh hình vuông có số đo là số đo tự nhiên (đơn vị đo là cm nhỏ hơn 20cm và lớn hơn 10 cm)

Bài 8: Bốn chiếc đồng hồ reo chuông tương ứng sau mỗi 5 phút, 10 phút, 15 phút và 20 phút. Chúng bắt đầu cùng reo chuông vào lúc 12 giờ trưa. Lần tiếp theo chúng cùng reo chuông vào lúc nào?

Bài 9: Số học sinh của một trường là một số tự nhiên có 3 chữ số và nhỏ hơn 900. Mỗi lần xếp hàng 3, hàng 4, hàng 5 đều không ai lẻ hàng. Tính số học sinh của trường đó?

Bài 10: Ba bạn Nam, Huy, Anh chạy xung quanh một hồ có chu vi 900m. Mỗi phút Nam chạy được 180m, Huy chạy được 100m, Anh chạy được 60m. Ba bạn khởi hành cùng một lúc tại cùng một địa điểm và chạy theo cùng một chiều.

a) Mỗi bạn chạy hết một vòng hồ trong bao nhiêu phút?

Nhóm facebook tài liệu: <https://www.facebook.com/groups/toancap123>

- b) Sau ít nhất bao lâu thì cả ba bạn lại cùng gặp nhau tại nơi xuất phát? Đến lúc gặp nhau đó, mỗi bạn chạy được mấy vòng?

Nguyễn Thế Bình

DẠNG 4: HÌNH HỌC

Bài 1.

- a) Cho hình vuông ABCD cạnh có độ dài 7 cm. Tính chu vi và diện tích của hình vuông ABCD.
- b) Một hình chữ nhật có chu vi 30cm và chiều rộng là 7cm. Tính chiều dài của hình chữ nhật đó?
- c) Một hình chữ nhật có chu vi 36cm và chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính độ dài mỗi cạnh của hình chữ nhật đó?

Bài 2. Cho mảnh vườn hình vuông cạnh 50m để trồng rau. Hãy tính:

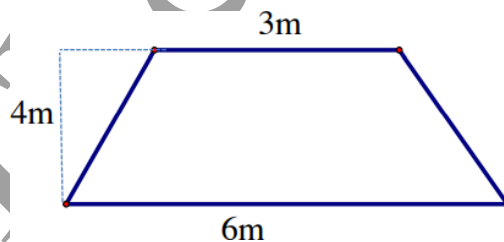
- a) Diện tích của mảnh vườn
- b) Độ dài hàng rào bao quanh mảnh vườn đó.

Bài 3. Bạn An có một sợi dây ruy băng dài 48cm . Nếu bạn An gấp thành một hình lục giác đều thì độ dài mỗi cạnh của hình lục giác đều mà An tạo ra có độ dài bao nhiêu centimet

Bài 4: Mẹ An có mảnh vườn như hình bên.

Mẹ định gieo hạt giống rau cải cúc. Biết cứ mỗi mét vuông hết 5000 đồng mua hạt giống.

Hỏi mẹ An cần phải bỏ ra chi phí bao nhiêu để mua hạt giống gieo hết cả khu vườn?



Bài 5: Một thửa ruộng có hình dạng như hình bên. Nếu trên mỗi mét vuông thu hoạch được 0.7 kg thóc thì thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu kilogam thóc?

